

HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC

Về quản lý nhà nước

YÊU CẦU KIẾN THỨC CẦN NẮM:

1. Hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước
2. Quy định đ/v cán bộ, công chức, viên chức
3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật VN
4. Cải cách hành chính nhà nước

I. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC:

1. Hệ thống chính trị:

1.1. Khái niệm:

- Các tổ chức (đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội)
- Quan hệ giữa các tổ chức
- Thực thi quyền lực chính trị
- Đáp ứng nhu cầu ổn định, phát triển xã hội.

1.2. Cấu trúc của hệ thống chính trị Việt Nam:

- *Đảng Cộng sản Việt Nam:* Bộ phận của hệ thống chính trị và hạt nhân lãnh đạo HTCT.
- *Nhà nước CHXHCN Việt Nam:* Trung tâm của HTCT, là công cụ thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, chịu sự lãnh đạo và thực hiện đường lối chính trị của Đảng.
- *Các tổ chức chính trị - xã hội:* Là cơ sở chính trị của Đảng và Nhà nước.
- *Nhân dân:* Nền tảng và mục tiêu của HTCT.

1.3. Cơ chế vận hành của HTCT Việt Nam:

- Cơ chế chủ đạo (quan hệ chủ đạo): *Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.*
- *Đảng lãnh đạo* bằng cương lĩnh, chiến lược, chủ trương, chính sách; bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động, thông qua tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan, tổ chức, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật

Cơ chế vận hành (tiếp)

- *Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, bằng hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước. Biện pháp: Vận động, tuyên truyền, chính sách, các công cụ đòn bẩy... và không loại trừ các biện pháp cưỡng chế.*
- *Nhân dân làm chủ: Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Nhân dân làm chủ bằng các hình thức trực tiếp và gián tiếp.*

2. Đảng Cộng sản Việt Nam:

2.1. Cơ cấu tổ chức của Đảng:

- Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước.
- Tổ chức đảng trong Quân đội và Công an
- TW quy định việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng:
 - + Đảng bộ khối; Đảng bộ Ngoài nước.
 - + Đảng đoàn, ban cán sự đảng.

2.2. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng:

- Cơ quan lãnh đạo cao nhất: Đại hội đại biểu toàn quốc (ở các cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên).
- Giữa hai kỳ đại hội: Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là cấp ủy.
- BCHTW bầu BCT, bầu Tổng Bí thư, chỉ định và bầu Ủy viên BBT, bầu UBKT TW.
- Cấp ủy các cấp bầu BTV, bầu Thường trực (Bí thư, Phó Bí thư) và UBKT.

2.3. Các cơ quan tham mưu giúp việc của BCH:

- Ở TW: 08 cơ quan (Văn phòng, BTC, Cơ quan UBKTTW, Ban TG, Ban DV, Ban Nội chính, Ban ĐN, Ban Kinh tế).
- Cấp tỉnh: 06 cơ quan: VP, BTC, Cơ quan UBKT, Ban TG, Ban DV, Ban Nội chính).
- Cấp huyện: 05 cơ quan: VP, Ban TC, Cơ quan UBKT, Ban TG, Ban DV.

3. Nhà nước CHXHCN Việt Nam:

3.1. Hình thức Nhà nước Việt Nam:

- Hình thức chính thể: Cộng hòa XHCN.
- Hình thức cấu trúc: Đơn nhất.
- Hiến pháp 2013 đã quy định:
 - + Nước CHXHCN Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và TVLT;
 - + Nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của ND, do ND, vì ND.

3.2. Các đơn vị hành chính của Việt Nam:

- Cấp tỉnh: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (do Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới).
- Cấp huyện: quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (do UBNDQH).
- Cấp xã: xã, phường, thị trấn (do UBNDQH).
- Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (do Quốc hội quyết định).

3.3. Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam:

- Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân.
- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

3.4. Quốc hội:

i) Vị trí, chức năng, nhiệm kỳ:

- Cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân; cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.
- Thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.
- Nhiệm kỳ Quốc hội là 5 năm.

ii) Các cơ quan của Quốc hội:

- Ủy ban TVQH: Cơ quan thường trực, gồm CT, các PCT Quốc hội, các Ủy viên UBNDTV.
- Các cơ quan của Quốc hội: HĐĐT và 10 Ủy ban: Pháp luật; Tư pháp; Kinh tế; Tài chính, ngân sách; QP&AN; VHGD TNTN&NĐ; Về các VĐXH; KH CN&MT; Đối ngoại.
- VP QH: Cơ quan tham mưu, phục vụ QH, UBNDTV, HĐĐT, các Ủy ban và đại biểu QH.

iii) Bầu cử, phê chuẩn các chức danh của Quốc hội:

- Đại biểu QH do cử tri bầu tại đơn vị bầu cử
- Chủ tịch, các PCT, Ủy viên UBTV, CT HĐDT, CN các Ủy ban, TTK do Quốc hội bầu.
- PCT HĐDT, PCN các Ủy ban, UV thường trực, UV chuyên trách và các Ủy viên khác của HĐDT và các Ủy ban do UBTVQH phê chuẩn.

iv) Nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội:

- Phù hợp với vị trí, chức năng;
- Theo quy định của Hiến pháp 2013 (Chương V, Điều 70, 74) và Luật tổ chức Quốc hội năm 2014.

3.5. Chủ tịch nước:

i) Vị trí, chức năng, nhiệm kỳ:

- Là người đứng đầu Nhà nước.
- Thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại.
- Nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

(ii) Nhiệm vụ, quyền hạn của CTN, PCTN, cơ quan giúp việc:

- CTN thực hiện các NVQH theo quy định của Hiến pháp 2013 (Chương VI, Điều 88 – 91)
- PCTN:
 - + Giúp CTN thực hiện nhiệm vụ;
 - + Được CTN ủy nhiệm thực hiện một số n/vụ.
- VPCTN là cơ quan giúp việc của CTN và PCTN. VP có Chủ nhiệm, các PCN, Trợ lý CTN, Trợ lý PCTN do CTN bổ nhiệm.

(iii) Bầu Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước:

- Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước là đại biểu Quốc hội.
- Quốc hội bầu Chủ tịch nước theo đề nghị của UBTVQH.
- Quốc hội bầu Phó Chủ tịch nước theo đề nghị của Chủ tịch nước.

3.6. Chính phủ:

i) VTCN, nhiệm kỳ, NVQH:

- Là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất.
- Là cơ quan chấp hành của Quốc hội.
- Thực hiện quyền hành pháp.
- Nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Quốc hội.
- Nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Hiến pháp năm 2013 (Chương VII, Đ 96) và Luật TCCP năm 2015 (Chương II, các Đ 6-27).

ii) Thành viên Chính phủ:

- TTgCP là người đứng đầu CP và hệ thống HCNN (QH bầu trong số các đại biểu QH theo đề nghị của CTN);
- Các PTTgCP giúp TTgCP làm nhiệm vụ theo sự phân công của TTgCP (TTgCP đề nghị, QH phê chuẩn, CTN bổ nhiệm);
- Các BTr, Thủ trưởng CQNB là thành viên CP và là người đứng đầu bộ, CQNB (TTgCP đề nghị, QH phê chuẩn, CTN bổ nhiệm).
- Số lượng thành viên CP do QH quyết định.

iii) Cơ cấu tổ chức của Chính phủ:

- Gồm các bộ, CQNB (QH qđ cơ cấu của CP, qđ việc thành lập, bãi bỏ bộ, CQNB).
- CP nhiệm kỳ 2016-2021 gồm 22 bộ, CQNB: BQP, BCA, BNG, BNV, BTC, BCT, BKHĐT, BNN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT, Bộ GTVT, Bộ TNMT, Bộ VHTTDL, Bộ TTTT, Bộ KH-CN, Bộ LĐTBXH, BXD, BTP, VPCP, NHNNVN, Ủy ban Dân tộc, TTra CP.

iv) Chế độ làm việc của CP, nhiệm vụ, quyền hạn của TTgCP:

- Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số;
- Kết hợp giữa quyền hạn, trách nhiệm của tập thể CP với quyền hạn, trách nhiệm cá nhân của TTgCP và các thành viên CP.
- *NVQH của TTgCP*: Theo quy định của Hiến pháp 2013 (Chương VII, Đ 98) và Luật TCCP năm 2015 (Chương III, các Đ 28-30).

3.7. Bộ, cơ quan ngang bộ:

i) Vị trí, chức năng:

- Là cơ quan của Chính phủ;
- Quản lý nhà nước về một hoặc một số ngành, lĩnh vực;
- Quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực.
- Phạm vi quản lý: toàn quốc

ii) Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ:

- Theo quy định của Nghị định 123/2016/NĐ-CP và các Nghị định của từng bộ, cơ quan ngang bộ (Chính phủ quyết định).
- Gồm các nhiệm vụ về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; HTQT; CCHC; quản lý các DVSNC; quản lý các doanh nghiệp, HTX, các loại hình kinh tế khác, các hội, TCPCP...

iii) Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ trưởng, Thứ trưởng:

- Các nhiệm vụ của thành viên Chính phủ.
- Các nhiệm vụ của người đứng đầu Bộ.
- *Thứ trưởng:*
 - + Giúp BTr thực hiện n/vụ do BTr phân công.
 - + Do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm.
 - + Số lượng Thứ trưởng: Không quá 5 (BNG, BQP, BCA không quá 6).

iv) Cơ cấu tổ chức của Bộ

(những tổ chức có tại tất cả các bộ, CQNB)

- Vụ: Tham mưu về QLNN hoặc về quản trị nội bộ; không có TCPN; cơ bản không có phòng.
- Văn phòng: Tham mưu về chương trình, kế hoạch và phục vụ các hoạt động của Bộ; tổng hợp, theo dõi, đôn đốc thực hiện; có cấp phòng, có con dấu.
- Thanh tra: Công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; con dấu, tài khoản riêng; có cấp phòng.

iv) Cơ cấu tổ chức của Bộ (tiếp): (những tổ chức không nhất thiết có)

- Cục: Tham mưu và QLNN, tổ chức thực thi pháp luật theo phân cấp, ủy quyền; có TCPN, con dấu, tài khoản riêng; có thể có phòng, văn phòng, chi cục, ĐVSN.
- Tổng cục: Tham mưu và QLNN, tổ chức TTPL đối với CN, LV lớn, phức tạp trên phạm vi cả nước; có TCPN, con dấu, tài khoản; có thể có vụ, văn phòng, cục, ĐVSN.
- ĐVSNCL: Phục vụ QLNN, cung cấp DVSN; có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản.

v) Thẩm quyền thành lập các tổ chức thuộc Bộ:

- Chính phủ quyết định thành lập các tổ chức thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ (vụ, văn phòng, thanh tra, cục, tổng cục, đvsn).
- TTgCP qđ thành lập các ĐVSN khác thuộc bộ, thành lập các tổ chức thuộc tổng cục.
- Bộ trưởng qđ thành lập phòng, ĐVSN thuộc các tổ chức thuộc bộ (trừ tổng cục) theo số lượng quy định tại NĐ của CP.

vi) Số lượng cấp phó:

- PTTg: Quốc hội quyết định (hiện có 5 PTTg)
- Thứ trưởng: không quá 5 (QP, CA, NG: 6)
- Tổng cục: không quá 04
- Các tổ chức khác thuộc bộ: không quá 03
- Phòng: Chưa có quy định cụ thể, thông thường từ 0-2.

3.8. Bộ Ngoại giao:

i) Vị trí, chức năng:

- Là cơ quan của Chính phủ
- QLNN về đối ngoại (công tác ngoại giao, BGLTQG, CĐNVNONN, ký kết và thực hiện ĐU'QT, TTQT, quản lý các CQĐDVNONN, hoạt động của các CQĐD nước ngoài ở VN)
- QLNN các DVC trong các lĩnh vực đối ngoại.

ii) Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Thực hiện các NVQH hạn quy định tại NĐ 123/2016/NĐ-CP và NĐ 26/2017/NĐ-CP
- Quản lý HĐĐN của các bộ, ngành, địa phương; HNHT quốc tế tại VN; bảo vệ chủ quyền, lợi ích của NN, các tổ chức và công dân VNONN; đại diện trong HĐĐN NN; công tác LTNN; NGKT; NGVH; TTĐN; lãnh sự; di cư ra nước ngoài; NVNONN; BGLTQG; CQĐDVNONN ; CQĐD, TCPCP nước ngoài tại Việt Nam; công tác ĐU'QT, TTQT.

iii) Cơ cấu tổ chức:

- 15 vụ;
- 5 cục;
- 02 Ủy ban (cấp tổng cục);
- Văn phòng, Thanh tra, SNVTpHCM;
- 05 đơn vị sự nghiệp;
- 05 đơn vị khác (CPVNGĐ, NKCP, V75, VP ĐUĐT, BQLDA).

iv) Các CQĐD VN ở nước ngoài:

- Thực hiện chức năng đại diện chính thức cho Nhà nước Việt Nam trong quan hệ với quốc gia, vùng lãnh thổ, TCQT tiếp nhận
- Chính phủ thành lập, thống nhất QLNN
- CTN, CP, TTgCP chỉ đạo h/động của CQĐD
- BNG chịu trách nhiệm trước CP thực hiện QLNN; trực tiếp quản lý, chỉ đạo và điều hành về tổ chức và hoạt động của CQĐD.
- 94 CQĐD (67 ĐSQ, 22 TLSQ, 4 Phái đoàn, 1 Văn phòng).

iv) Bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhiệm kỳ:

- Bộ trưởng bổ nhiệm TLBT, cấp trưởng, phó của các đơn vị thuộc Bộ;
- Bộ trưởng bổ nhiệm hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị bổ nhiệm cấp phòng;
- Đại sứ ĐMTQ: BTr trình TTgCP đề nghị UBNDTVQH phê chuẩn, CTN bổ nhiệm.
- Các chức vụ ngoại giao, lãnh sự khác tại CQĐD do Bộ trưởng bổ nhiệm.
- Các chức danh LĐQL (từ TTr đến cấp phòng): 5 năm; thành viên CQĐD: 36 tháng.

3.9. Chính quyền địa phương:

i) Tổ chức chính quyền địa phương:

- Được tổ chức ở các đơn vị hành chính;
- Gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

ii) Hội đồng nhân dân:

- Cơ quan QLNN ở đph, do ND đph bầu.
- QĐ các vấn đề của đph; giám sát việc tuân theo HP, PL và thực hiện NQ của HĐND.
- UBND quyết định giải tán HĐND cấp tỉnh.
- HĐND cấp trên quyết định giải tán HĐND cấp dưới và trình HĐND cấp trên phê chuẩn.
- HĐND cấp tỉnh có Ban pháp chế, Ban KT-NS, Ban VH - XH, Ban dân tộc, Ban đô thị.
- HĐND cấp huyện có BPC, BKTXH, Ban DT.
- HĐND cấp xã có Ban pháp chế, Ban KT - XH

iii) Ủy ban nhân dân:

- Do HĐND bầu, là cơ quan chấp hành của HĐND, cơ quan HCNN ở địa phương.
- Tổ chức việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, thực hiện nghị quyết của HĐND và các nhiệm vụ do cơ quan cấp trên giao.

iv) Cơ quan chuyên môn của UBND:

- Cấp tỉnh: 17 sở (NV, TP, KHĐT, tài chính, công thương, NN&PTNN, GTVT, xây dựng, TNMT, TTTT, LĐTBXH, VHTTDL, KHCCN, GDĐT, y tế, ngoại vụ, QH - KTr) và 03 cơ quan ngang sở (VP, TTra, ban dân tộc).
- Cấp huyện: 11 phòng (NV, TP, TC - KH, TNMT, LĐTBXH, VH - TT, GDĐT, y tế, kinh tế hoặc kinh tế và hạ tầng, quản lý đô thị hoặc NN&PTNT, dân tộc) và 2 cơ quan tương đương phòng (VP, TTra).

3.10. Tòa án nhân dân

- Là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp.
- Tổ chức gồm:
 - + TAND tối cao (cơ quan xét xử cao nhất);
 - + TAND cấp cao;
 - + TAND cấp tỉnh;
 - + TAND cấp huyện;
 - + Tòa án quân sự (TW, quân khu, khu vực).

3.11. Viện kiểm sát nhân dân:

- Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.
- Tổ chức gồm:
 - + VKSND tối cao;
 - + VKSND cấp cao;
 - + VKSND cấp tỉnh;
 - + VKSND cấp huyện;
 - + VKS quân sự (TW, quân khu, khu vực).

4. Các tổ chức chính trị - xã hội:

i) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- Là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của TCCTr, các TCCT - XH, TCXH và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp, các dân tộc, tôn giáo và NVNĐCONN.
- Là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.
- ĐCSVN vừa là thành viên vừa là người LĐ MT.
- Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên

ii) Các tổ chức chính trị - xã hội:

- Công đoàn Việt Nam
- Hội nông dân Việt Nam
- Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
- Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam
- Hội cựu chiến binh Việt Nam

*(được quy định trong Hiến pháp 2013,
là các tổ chức thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)*

5. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị

i. Mục tiêu tổng quát

- Bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả
- Phù hợp với thể chế KTTr định hướng XHCN
- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân
- Tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ CBCCV
- Giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

ii. Mục tiêu cụ thể

- **Đến năm 2021:**

- Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, kiện toàn một số tổ chức và các đầu mối bên trong của từng tổ chức theo hướng giảm đầu mối, giảm tối đa cấp trung gian, giảm cấp phó; khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý
- Thực hiện thí điểm một số mô hình mới về tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh

- Sắp xếp thu gọn hợp lý các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên; giảm số lượng thôn, tổ dân phố;
- Giảm tối thiểu 10% biên chế so với năm 2015.

• **Từ năm 2021 đến năm 2030:**

- Hoàn thành việc nghiên cứu và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta; giảm biên chế;
- Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ;
- Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy;

- Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;
- Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

II. CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC:

1. Cán bộ:

- Là công dân Việt Nam;
- Được bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ; trong biên chế và hưởng lương từ NSNN.
- Cán bộ cấp xã: được bầu giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực HĐND, UBND, BT, PBT ĐU, người đứng đầu TCCTXH.

2. Công chức:

- Là công dân Việt Nam;
- Được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh; trong biên chế và hưởng lương từ NSNN.
- Công chức trong bộ máy LĐQL của ĐVSNCL thì hưởng lương từ quỹ lương của ĐVSNCL.
- Công chức cấp xã: được t/dụng giữ một chức danh chuyên môn, ngh/vụ thuộc UBND.

3. Viên chức:

- Là công dân Việt Nam.
- Được tuyển dụng, làm việc tại ĐVSNCL, hưởng lương từ quỹ lương của ĐVSNCL.

4. Các nguyên tắc trong thi hành công vụ:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.
- Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát.
- Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả.
- Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ.

5. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức, viên chức:

i) Nghĩa vụ:

- Đối với Đảng, NN và ND (05 nội dung)
- Trong thi hành công vụ (05 nội dung)
- Nghĩa vụ của người đứng đầu (06 nội dung)

ii) Quyền:

- Điều kiện thi hành công vụ (05 nội dung)
- Tiền lương và các chế độ liên quan (05 nd)
- Nghỉ ngơi và các quyền khác (05 nội dung)

6. Đạo đức công vụ, văn hóa giao tiếp ở công sở:

- i) Đạo đức công vụ: Phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*
- ii) Văn hóa giao tiếp ở công sở (03 nội dung)*
- iii) Văn hóa giao tiếp với nhân dân (02 nội dung)*

7. Những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm:

- i) Những việc không được làm liên quan đến đạo đức công vụ (04 nội dung)*
- ii) Những việc không được làm liên quan đến bí mật nhà nước (02 nội dung)*
- iii) Những việc khác không được làm (02 nội dung)*

III. HỆ THỐNG VĂN BẢN QPPL VIỆT NAM:

1. Khái niệm quy phạm pháp luật:

- Quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung;
- Được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần;
- Do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành;
- Được Nhà nước bảo đảm thực hiện.

2. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật:

- Có chứa quy phạm pháp luật;
- Được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục.

3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam:

- i) *Hiến pháp*: Là luật cơ bản, có hiệu lực pháp lý cao nhất; mọi VBQPPL khác phải phù hợp với HP.
- ii) *Bộ luật, luật*: Do Quốc hội ban hành.
- iii) *Nghị quyết* của Quốc hội.
- iv) *Pháp lệnh*: Do UBTWQH ban hành.
- v) *Nghị quyết* của UBTWQH.
- vi) *Nghị quyết liên tịch* giữa UBTWQH với ĐCT UBTW MTTQVN.

3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam (tiếp):

- vii) Lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.*
- viii) Nghị định của Chính phủ;*
- ix) Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với ĐCT UBND MTTQVN.*
- x) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*
- xi) Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.*
- xii) Thông tư của Chánh án TANDTC.*
- xiii) Thông tư của Viện trưởng VKSNDTC.*

3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam (tiếp):

- xiv) *Thông tư* của Bộ trưởng, Thủ trưởng Cơ quan.
- xv) *Thông tư liên tịch* giữa Chánh án TANDTC với Viện trưởng VKSNDTC.
- xvi) *Thông tư liên tịch* giữa BTr, Thủ trưởng Cơ quan với Chánh án TANDTC, Viện trưởng VKSNDTC.
- xvii) *Quyết định* của Tổng Kiểm toán nhà nước.
- xviii) *Nghị quyết* của HĐND (cấp tỉnh, huyện, xã).
- xix) *Quyết định* của UBND (cấp tỉnh, huyện, xã).
- xx) *VBQPPL* của chính quyền ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

4. Thẩm quyền đình chỉ, bãi bỏ văn bản của VBQPPL:

- Cơ quan ban hành có quyền sửa, thay thế, bãi bỏ văn bản của mình (QH làm và sửa đổi HP).
- Quốc hội bãi bỏ văn bản của CTN, UBND, CP, TTgCP, TANDTC, VKSNDTC, Tổng KTNN.
- UBND đình chỉ, bãi bỏ văn bản của CP, TTgCP, TANDTC, VKSNDTC, HĐND cấp tỉnh.
- TTgCP đình chỉ, bãi bỏ văn bản của BTr, UBND cấp tỉnh; đình chỉ văn bản của HĐND cấp tỉnh.
- HĐND đình chỉ, bãi bỏ VB của UBND và HĐND cấp dưới.
- Chủ tịch UBND đình chỉ văn bản của HĐND cấp dưới; đình chỉ, bãi bỏ văn bản của UBND cấp dưới.

IV. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC:

1. Mục tiêu CCHCNN giai đoạn 2011-2020:

- i) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.
- ii) Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí trong việc tuân thủ thủ tục hành chính.
- iii) Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, HLHQ.
- (iv) Bảo đảm thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước.
- (v) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và phát triển đất nước.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm:

i) Cải cách thể chế:

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật;
- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác XDPL;
- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thể chế KTTT định hướng XHCN;
- Hoàn thiện thể chế về sở hữu; tiếp tục đổi mới thể chế về doanh nghiệp nhà nước, về tổ chức và kinh doanh vốn nhà nước; sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về xã hội hóa;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của các CQHCCN; xây dựng, hoàn thiện các quy định về mối quan hệ giữa Nhà nước và Nhân dân.

ii) Cải cách thủ tục hành chính:

- Cắt giảm và nâng cao chất lượng TTHC;
- Cải cách TTHC để tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh;
- Cải cách TTHC giữa các CQHCCNN và trong nội bộ từng CQHCCNN;
- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC;
- Công khai, minh bạch tất cả các TTHC;
- Cải cách TTHC ngay trong quá trình XD thể chế;
- Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

iii) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

- Rà soát VTCN, NVQHCCCTC, biên chế của các cơ quan trong BMHCNN để điều chỉnh phù hợp;
- Tổng kết, đánh giá mô hình tổ chức của CQĐP, xây dựng mô hình chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn phù hợp.
- Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc của CQHCCNN;
- Cải cách và triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các ĐVSN.

iv) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVN:

- Xây dựng đội ngũ có số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ trình độ và năng lực; phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị, có năng lực, có tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ ND;
- Hoàn thiện các quy định về chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ;
- Xây dựng cơ cấu cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm;
- Hoàn thiện các quy định về tuyển dụng, bố trí, phân công nhiệm vụ; thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh; thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm cán bộ;

iv) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVN (tiếp):

- Hoàn thiện các quy định về đánh giá cán bộ;
- Đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng;
- Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công;.
- Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ.

v) Cải cách tài chính công:

- Động viên hợp lý, phân phối, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển KT-XH;
- Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với DNN; giữ mức nợ Chính phủ, nợ quốc gia và nợ công trong giới hạn an toàn;
- Đổi mới cơ chế sử dụng KF nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ KHCCN;
- Đổi mới cơ chế phân bổ NS cho CQHCCN;
- Tăng đầu tư, đồng thời đẩy mạnh XHH trong các lĩnh vực GDĐT, y tế, dân số - KHHGD, TDTT.

vi) Hiện đại hóa hành chính:

- Hoàn thiện và đẩy mạnh hoạt động của mạng thông tin điện tử hành chính của CP;
- Ứng dụng CNTT trong quy trình xử lý công việc, đặc biệt là trong hoạt động DVC;
- Công bố danh mục các DVHCC trên Mạng thông tin điện tử hành chính của CP;
- Thực hiện hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các CQHCCNN;
- Thực hiện Kế hoạch đầu tư trụ sở cấp xã bảo đảm yêu cầu CCHC, nâng cao HLHQ quản lý của BMNN;
- Xây dựng trụ sở CQHCCNN ở địa phương hiện đại, tập trung ở những nơi có điều kiện.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tài liệu chuyên đề Bồi dưỡng lý luận chính trị dành cho cán bộ đoàn ở cơ sở/ Nxb Chính trị quốc gia – 2011/ Chuyên đề 3: Hệ thống chính trị và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay. (<http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/sach-chinh-tri/books-310620153413356/index-2106201534045564.html>)
2. Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật (dành cho đào tạo đại học, sau đại học và trên đại học ngành luật”/ PGS. TS. Nguyễn Văn Động (chủ biên)/ Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. *(Có thể tham khảo Giáo trình khác về nhà nước và pháp luật).*

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO (tiếp):

3. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013.
4. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
5. Luật tổ chức Quốc hội ngày 20 tháng 11 năm 2014.
6. Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015.
7. Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.
8. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.
9. Luật tổ chức Tòa án nhân dân ngày 20/11/2014.
10. Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân ngày 20/11/2014.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO (tiếp):

11. Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008.
12. Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010.
13. Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.
14. Luật ban hành VBQPPL ngày 22 tháng 6 năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2020
15. Luật Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài ngày 18/6/09, sửa đổi, bổ sung ngày 21/11/17.
16. Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019.
17. Quy định số 219-QĐ/TW và số 220-QĐ/TW ngày 27/12/2013 của BBT về CNNVTCBM cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh uỷ, huyện uỷ.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO (tiếp):

18. Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9 /2016 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ.
19. Nghị định số 101/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2016/ND-CP.
20. Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và số 108/2020/NĐ-CP quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, huyện.
21. Nghị định số 26/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017
22. Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/11 và QĐ số 225/QĐ-TTg ngày 04/2/2016, SĐBS bởi QĐ số 609/QĐ-TTg 04/5/17.

VI. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI:

1. Cấu trúc đề bài và đáp án.

- Đề bài sẽ gồm 60 câu hỏi, thời gian làm bài 60 phút.
- Mỗi câu có 4 phương án trả lời được đánh thứ tự: a, b, c, d, trong đó chỉ có 01 đáp án đúng.
- Bài làm đạt yêu cầu là bài trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên.

2. Cách trả lời câu hỏi:

- Cân nhắc, lựa chọn 01 phương án trả lời đúng nhất, đầy đủ nhất.
- Đánh dấu X vào cột phương án đã lựa chọn.
- Nếu bỏ phương án đã lựa chọn thì khoanh tròn vào dấu X và đánh dấu X vào phương án mới.
- Nếu chọn lại phương án đã gạch bỏ hoặc đã gạch bỏ cả 4 phương án thì viết lại phương án lựa chọn cuối cùng (a, b, c hoặc d) vào cột dự phòng tương ứng.



Xin cảm ơn

Chúc các bạn
đạt kết quả cao nhất trong kỳ thi